

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 34/2022/HSST

Ngày: 18/8/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NH Â DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Trung**

Các Hội thẩm nh Â d Â: 1/ Ông **Lê Đức Dũng**

2/ Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- T ký phiên tòa: Bà **Thái Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nh Â d Â huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST - HS ngày 12/5/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST - HS ngày 22/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Phan Khắc Trường K, sinh năm 2000, tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Quảng Trị; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phan Phương, sinh năm: 1973 (còn sống) và bà Trương Thị Cẩm, sinh năm 1980 (còn sống); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2021 cho đến nay.

2. Nguyễn Đức Â, sinh năm 1995, tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Đức Thọ, sinh năm: 1968 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Anh Đào, sinh năm 1967 (còn sống); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/10/2021 cho đến nay.

3. Lê Quang T, sinh năm 1996, tại Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã A, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Trình độ văn

hóa: 12/12; con ông: Lê Quang Th, sinh năm: 1972 (còn sống) và bà Lê Thị Huệ, sinh năm 1975 (còn sống); có vợ tên Phạm Thị Hồng và 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2021 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Công ty cổ phần xuất nhập khẩu TV

Trụ sở: 33/8, tổ 8, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Khắc V – chức vụ: Giám đốc. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 53A/C3 ấp Đ, xã G, huyện T, Đồng Nai.

- Bà Nguyệt ủy quyền cho anh Đoàn Trọng Đ, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 12/3 Nguyễn Văn Cừ, phường C, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyệt: Ông Nguyễn Hồng S

– Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Ông Phan Trung M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 2, ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Bùi Thanh T1, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 75/CII, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thành A, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Kim Minh Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Lê X, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

4. Thạch R, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Thạch Thị Tr, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Thạch Oanh N1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quang T, Nguyễn Đức Â và Phan Khắc Trường K là nhân viên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV do ông Phan Khắc V, sinh năm: 1974, cư trú tại: 33/8,

khu phố 02A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai làm Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật. Các bị cáo T, Á, K được ông V giao làm quản lý trại gà của công ty Thủy Viên, tại ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian làm việc tại đây, các bị cáo T, Á, K đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt cám gà của công ty để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Khoảng đầu tháng 06/2020, T phát hiện trong kho còn dư khoảng 200 bao cám dành cho gà ăn, T đã bàn bạc với Á lén lút đem bán số cám trên để lấy tiền tiêu xài, Á đồng ý. Sau đó T liên lạc với Phan Trung M, sinh năm: 1986, cư trú: tổ 2, ấp 06, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, nói với M trại có 200 bao cám dư, gần hết hạn, gà ăn không kịp nên bán rẻ với giá 100.000 đồng/01 bao. M nghe vậy đồng ý mua, chiều hôm sau M đưa xe tải đến trại gà để chở cám. Vài ngày sau đó, T đến nhà M lấy 20.000.000 đồng tiền bán cám, rồi đem về chia lại cho Á 10.000.000 đồng. Số tiền này cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Khi T và Á bán cám cho anh M, bị cáo K đang đi tăng cường cho trại gà nơi khác nên không biết. Cuối tháng 07/2020, T nghỉ việc tại trại gà của ông V.

Đến khoảng đầu tháng 08/2020, K thay T làm quản lý, điều hành hoạt động của trại gà trên đã cùng nhau bàn bạc với Á chiếm đoạt cám của công ty TV bằng cách lén lút bán bớt cám ra ngoài lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, K liên lạc với bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1973, cư trú 52A/C3, ấp ĐL, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai là khách hàng mua gà thường xuyên của Công ty TV và nói với bà N có cám gà dư, gần hết hạn muốn bán với giá rẻ 80.000 đồng/bao và nhờ N tìm người có nhu cầu mua cám thì bà N đồng ý. Trong tháng 8/2020, Á và K đã bán cho bà N 04 lần, tổng cộng 560 bao cám. Sau đó N liên hệ Bùi Thanh T1, sinh năm: 1988, thường trú: xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và Nguyễn Đình T2, sinh năm: 1982, thường trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nói có người bán cám với giá 100.000 đồng/bao hỏi T2, T1 có mua không thì T2, T1 đồng ý. Sau đó, bà N cho T2, T1 số điện thoại của K để T2, T1 tự giao dịch với K về việc mua bán. Sau khi mua cám xong thì T2, T1 đưa trực tiếp tiền mua cám cho bà N còn bà N chuyển khoản lại cho K và hưởng chênh lệch 20.000 đồng/bao. Đến cuối tháng 9/2020, bà N không mua nữa nên K và Á liên hệ bán cho Phan Trung M, sinh năm: 1986, cư trú: tổ 2, ấp 06, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai 200 bao với giá 100.000đ/ 01 bao. Đến khoảng đầu tháng 10/2020, Á nghỉ việc, một mình K tiếp tục bán thêm cho bà N thêm 140 bao cám. Quá trình thực hiện lấy trộm cám công ty TV, T, Á, K cho một số công nhân đang làm việc tại công ty ThV như Thạch Oanh N1, Thạch RE, Kim Minh D, Lê X vận chuyển cám từ trong kho của Công ty lên xe ô tô để đem đi bán.

Ngoài hành vi chiếm đoạt cám gà nói trên, quá trình điều tra còn xác định T, Á, K đã lén lút trộm cắp phân gà của công ty TV bán để lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Vào khoảng tháng 6/2020, T liên hệ với anh Bùi Thanh P (không rõ địa chỉ cụ thể) để bán 01 xe ph Á gà với số lượng 500 bao với giá 11.000 đồng/ bao được khoảng 5.500.000 đồng. Số tiền này T tiêu xài cá nhân hết. Khoảng nửa tháng sau, T bàn với Á và K bán ph Á gà để lấy tiền tiêu xài thì Á, K đồng ý. T tiếp tục liên hệ với P bán 01 xe phân gà với số lượng 500 bao với giá 11.000 đồng/ bao được khoảng 5.500.000 đồng. Số tiền bán phân gà cả ba đã chia nhau tiêu xài hết.

Sau khi T nghỉ việc, đến khoảng tháng 8/2020, Â và K bàn bạc tiếp tục bán cho anh Phong 02 xe phân gà, mỗi xe khoảng 500 bao với tổng số lượng 1000 bao với giá 12.000 đồng/bao được số tiền 12.000.000 đồng, K, Â chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 4159/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 24/6/2021, của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai kết luận: 1.100 bao cám dành cho gà, quy cách 25 kg (Cám gà thịt từ 1-21 ngày, mã sản phẩm H220P loại 25kg) do công ty trách nhiệm hữu hạn dinh dưỡng Á Châu cung cấp cho công ty TV có giá trị 248.488đ/01 bao. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 273.336.800đ.

Theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ xác định 2000 bao phân gà trộn vỏ trấu, đựng trong bao cám gà loại 25kg có giá trị là: 12.000 đồng/bao x 2000 = 24.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 24.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị hại ông Phan Khắc V còn tố cáo Vũ Trường H, sinh năm 1989; Cư trú tại: 33/128, tổ 26, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có hành vi cấu kết với bà Nguyệt Thị N chiếm đoạt cám gà và gà thịt trị giá 360.000.000 đồng tại trại gà ở ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Xử lý vật chứng vụ án:

+ 01 USB màu trắng, bên trong chứa file ghi âm nói chuyện giữa ông Phan Khắc Viên và bà Nguyễn Thị N, do Phan Khắc V giao nộp.

+ 01 đĩa DVD bên trong có chứa 02 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo Phan Khắc Trường K và Vũ Trường H.

+ 01 đĩa DVD bên trong có chứa 01 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông Phan Khắc V và bà Nguyễn Thị N.

Tất cả vật chứng trên hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Số tiền 132.500.000 đồng do gia đình các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả. Trong đó bị cáo T tự nguyện giao nộp 32.500.000 đồng; gia đình các bị cáo Â và K, mỗi người 50.000.000 đồng. Số tiền này đã được Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại ông Phan Khắc V.

-Về trách nhiệm dân sự:

Theo lời khai của bị hại ông Phan Khắc V thì số tài sản (Cám) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV bị thiệt hại là 3.768.320.000đ và khoảng 100 xe phân gà, mỗi xe khoảng 500 bao phân, mỗi bao trị giá 12.000 đồng và yêu cầu các bị cáo bồi thường các tài sản đã bị thiệt hại. Tại phiên tòa ông V thông nhất với các bị cáo về số tài sản bị trộm cắp. Ông V không yêu cầu các bị cáo K và Â phải bồi thường thiệt hại chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường 100.000.000 đồng theo như thỏa thuận giữa các bên tại Cơ quan điều tra.

Đối với phần lợi nhuận chênh lệch bà Nguyễn Thị Nt, Phan Trung M, Nguyễn Đình T2, Bùi Thanh T1 được hưởng khi mua cám gà từ các bị cáo T, Â, K. Đây là phần thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSCM ngày 11/5/2022, Viện Kiểm sát nh   huyện Cẩm Mỹ   truy tố bị cáo Nguyễn Đức   và Phan Khắc Trường K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Lê Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Khắc Trường K mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức   mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang T mức án từ 14 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả: bị cáo T phải bồi thường cho công ty TV 67.500.000 đồng. Không buộc bà Nguyễn Thị N, Phan Trung M, Nguyễn Đình T2, Bùi Thanh T1 phải nộp lại phần chênh lệch do mua cám. Về vật chứng: 01 USB và 02 đĩa DVD lưu theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA  N:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án   được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố   thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng   thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Khắc Trường K, Nguyễn Đức   và Lê Quang T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy,   có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 6/2020 đến tháng 8/2020, tại trại gà của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ThVi tại ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai các bị cáo   có hành vi lén lút trộm cắp tài sản cụ thể:

Bị cáo K có hành vi lén lút trộm cắp 140 bao cám gà; bị cáo cùng với bị cáo   lén lút trộm cắp 760 bao cám gà và cùng với các bị cáo T và   trộm cắp 1.500 bao ph   gà của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 241.639.200 đồng.

Bị cáo   có hành vi cùng với Lê Quang T lén lút trộm cắp 200 bao cám gà, cùng với Phan Khắc Trường K trộm cắp 760 bao cám gà và cùng với các bị cáo T, K trộm

cấp 1.500 bao phân gà của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV với tổng giá trị tài sản 256.548.480 đồng.

Bị cáo T lén lút trộm cắp 500 bao phân gà, bị cáo cùng với Nguyễn Đức A lén lút trộm cắp 200 bao cám gà, cùng với các bị cáo K và A trộm cắp 500 bao phân gà của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV với tổng giá trị tài sản 61.697.600 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo K và A đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi của bị cáo nhận thấy: Các bị cáo là công dân đã trưởng thành, các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của ông Viên mà các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo K và T là người chủ động rủ rê bị cáo A cùng thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo A là người thực hành tích cực. Nhưng bị cáo A chiếm đoạt tài sản nhiều hơn bị cáo K; bị cáo T chiếm đoạt tài sản ít hơn và tham gia ít lần trộm cắp hơn nên bị cáo A và K phải chịu hình phạt ngang nhau và cao hơn bị cáo T.

Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Người đại diện theo pháp luật của người bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T là lao động chính trong gia đình và gia đình thuộc diện khó khăn đặc biệt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản có giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận xét và đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung. Riêng bị cáo T có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông V không yêu cầu bị cáo K và A bồi Tòng thiệt hại, chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường. Bị cáo T cho rằng không chiếm đoạt

của ông V số tiền trên nhưng đồng ý bồi thường, khắc phục hậu quả là 100.000.000 đồng và ông V đồng ý. Bị cáo T đã bồi thường cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV 32.500.000 đồng nên bị cáo T tiếp tục bồi thường thêm cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV 67.500.000 đồng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với phần lợi nhuận chênh lệch bà Nguyễn Thị N, Phan Trung M, Nguyễn Đình T2, Bùi Thanh T1 được hưởng khi mua cám gà từ các bị cáo T, Á, K. Những người này khi mua cám của các bị cáo từ các giao dịch dân sự hợp pháp và không biết các bị cáo phạm tội mà có nên không phải nộp lại số tiền chênh lệch từ việc mua cám.

Đối với bà Nguyễn Thị N, Phan Trung M, Nguyễn Đình T2, Bùi Thanh T1, Bùi Thanh P khi mua cám gà và phân gà từ các bị cáo T, Á, K không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét, xử lý.

Đối với Thạch Oanh N1, Thạch RE, Kim Minh D, Lê X khi thực hiện vận chuyển cám cho T, Á, K không biết đây là tài sản do T, Á, K trộm cắp nên không xem xét, xử lý.

Đối với vụ việc ông Phan Khắc V tố giác Vũ Trường H, sinh năm: 1989, Tờng trú: số 33/128, tổ 26, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có hành vi chiếm đoạt số cám gà và gà thịt trị giá 360 triệu đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã có văn bản chuyển đơn tố giác trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Borm để điều tra theo thẩm quyền.

[6] Về vật chứng:

+ 01 USB màu trắng, bên trong chứa file ghi âm nói chuyện giữa ông Phan Khắc Viên và bà Nguyễn Thị N, do Phan Khắc V giao nộp.

+ 01 đĩa DVD bên trong có chứa 02 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo Phan Khắc Trường K và Vũ Trường H.

+ 01 đĩa DVD bên trong có chứa 01 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông Phan Khắc V và bà Nguyễn Thị N.

Tất cả vật chứng trên hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu án phí d Á sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với một phần nhận định trên nên chấp nhận. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo K và Á là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên không chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Phan Khắc Trường K, Nguyễn Đức Á và Lê Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Khắc Trường K 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/10/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Ân 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/10/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang T 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào trại chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận sự tự nguyện bị cáo Lê Quang T có nghĩa vụ bồi thường, khắc phục hậu quả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TV số tiền 67.500.000 (*Sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật D Á sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu 3.375.000 (*Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn*) đồng án phí d Á sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người bị hại, ông T1, bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể, từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Hồ sơ thi hành án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

Nguyễn Thị Mai Trung